

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT



NGUYỄN TRƯỜNG NGUYỆT SƯƠNG

**PHÁP LUẬT VỀ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG
MÔI TRƯỜNG QUA THỰC TIỄN THI HÀNH
TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Chuyên ngành: Luật Kinh Tế

Mã số: 8380107

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

THỪA THIÊN HUẾ, năm 2019

Công trình được hoàn thành tại:

Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS VŨ THỊ DUYÊN THỦY

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn thạc sĩ họp
tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng năm.....

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài	1
2. Tình hình nghiên cứu.....	2
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu	2
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	3
5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu	3
6. Những đóng góp mới của luận văn	4
7. Cơ cấu của luận văn.....	4
Chương 1. TỔNG QUAN ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁP LUẬT VỀ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG	4
1.1. Tổng quan về đánh giá tác động môi trường.....	4
1.1.1. Khái niệm đánh giá tác động môi trường.....	4
1.1.2. Vai trò của việc đánh giá tác động môi trường	4
1.2. Tổng quan về pháp luật đánh giá tác động môi trường.....	5
1.2.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến pháp luật và thực hiện pháp luật về đánh giá tác động của môi trường	5
1.2.3. Vai trò của pháp luật đánh giá tác động môi trường	5
Kết luận chương 1.....	5
Chương 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN TẠI ĐÀ NẴNG.....	6
2.1. Khái quát về kinh tế - xã hội Thành Phố Đà Nẵng	6
2.2. Thực trạng pháp luật về đánh giá tác động môi trường	7
2.2.1. Các quy định chung về đánh giá môi trường	7
2.2.2. Các quy định về báo cáo đánh giá tác động của môi trường	7
2.2.3. Các quy định về thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động của môi trường.....	9
2.2.4. Các quy định về xử lý vi phạm pháp luật về đánh giá tác động môi trường.....	9
2.3. Thực tiễn thực hiện pháp luật về đánh giá tác động môi trường tại Thành phố Đà Nẵng.....	11
2.3.1. Những thành tựu đạt được	11
2.3.2. Một số hạn chế, yếu kém trong công tác ĐTM tại Đà Nẵng	12
KẾT LUẬN CHƯƠNG 2	13
Chương 3. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG QUA THỰC TIỄN THỰC HIỆN TẠI ĐÀ NẴNG.....	14

3.1. Các giải pháp hoàn thiện pháp luật về đánh giá tác động môi trường ..	14
3.1.1. Giải pháp hoàn thiện các quy định chung về đánh giá tác động môi trường	14
3.1.2. Giải pháp hoàn thiện các quy định về lập và thẩm định báo cáo Đánh giá tác động môi trường.....	14
3.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về đánh giá tác động môi trường	16
KẾT LUẬN CHƯƠNG 3	19
KẾT LUẬN	20

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Trong những năm cuối của thế kỉ 20, loài người đã nhận thức ra rằng: họ hoặc là con cháu họ sẽ phải trả một cái giá rất đắt cho những hành động thiếu cân nhắc mà trước đây họ đã gây ra, như việc khai thác kiệt quệ tài nguyên, làm suy giảm đa dạng sinh học trên trái đất, gây ra hiệu ứng nhà kính, lỗ thủng tầng ozon... Một số những hành động đó là không thể đảo ngược được nữa, nhưng một số khác thì có thể đảo ngược được tuy rằng quá trình đảo ngược là rất khó khăn, mất nhiều thời gian và công sức.

Hiện nay, môi trường tự nhiên mà ta đang sống đã và đang có xu hướng bị ô nhiễm hết sức nghiêm trọng. Môi trường đô thị và các khu công nghiệp, nhất là các vùng kinh tế trọng điểm đã bị ô nhiễm do chất thải các loại không được thu gom và xử lý kịp thời.

Ở Việt Nam, từ những năm đầu của thế kỷ XXI, đặc biệt là sau khi nước ta gia nhập Tổ chức thương mại thế giới – WTO, nền kinh tế nước ta đã phát triển nhanh chóng, các nhà đầu tư cả trong và ngoài nước đã không ngừng đầu tư vào Việt Nam. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, cùng với sự phát triển của kinh tế - xã hội thì vấn đề bảo vệ môi trường (sau đây viết tắt là BVMT) cũng như công tác quản lý môi trường đã nảy sinh nhiều vấn đề bất cập. Hậu quả là tình trạng ô nhiễm và suy thoái nguồn nước (nước mặt và nước ngầm) đã và đang xảy ra phổ biến ở nhiều nơi; tình trạng ô nhiễm đất, ô nhiễm không khí cũng đã xảy ra, có nơi bị ô nhiễm nặng, đặc biệt là ở các khu đô thị và các thành phố công nghiệp.

Tuy nhiên, trên thực tế hiện nay vẫn xảy ra nhiều vụ việc vi phạm pháp luật gây ô nhiễm môi trường do các hoạt động đầu tư gây ra được dư luận đặc biệt quan tâm như: Vụ công ty Vedan xả thải nước thải không qua xử lý ra sông Thị Vải tại tỉnh Đồng Nai, vụ công ty Tung Kuang ở Hải Dương xả thải chất độc ra môi trường,... gây ra nhiều bức xúc cho xã hội. Vấn đề đặt ra ở đây là: tại sao các vụ việc như vậy vẫn xảy ra trên thực tế, thậm chí còn có xu hướng gia tăng? Liệu hoạt động quản lý môi trường, hoạt động về ĐTM trong hoạt động đầu tư ở Việt Nam hiện nay có vấn đề gì không? Có cần phải thay đổi hay bổ sung gì không? Để hạn chế xảy ra các vụ việc tương tự cũng như hoàn thiện hơn nữa pháp luật về ĐTM ở Việt Nam chúng ta cần phải có những công trình khoa học nghiên cứu kỹ lưỡng từ các biện pháp công trình đến phi

công trình, trong đó các đề tài nghiên cứu pháp luật về đánh giá ĐTM trong hoạt động đầu tư là hết sức cần thiết.

Hiện nay, Bảo vệ môi trường (BVMT) trở thành vấn đề cấp bách, là một vấn đề đang được quan tâm hàng đầu của toàn thể nhân loại. Để bảo vệ môi trường, pháp luật của các nước đã quy định nhiều công cụ pháp lý cũng như kỹ thuật, trong đó đánh giá tác động môi trường (ĐTM) là một công cụ pháp lý, kỹ thuật rất hữu hiệu. Ở Đà Nẵng, việc thực hiện các quy định của pháp luật về đánh giá tác động của môi trường trong thời gian qua đã thu được những thành quả đáng kể trong việc bảo vệ môi trường, nhưng bên cạnh đó vẫn còn nhiều bất cập trong quá trình thực hiện, đòi hỏi nhà nước cần phải có những quy định mang tính khoa học và khả thi nhằm giúp cho việc thực hiện được triệt để và hiệu quả hơn. Để hiểu rõ hơn về các quy định pháp luật về đánh giá tác động môi trường cũng như tình hình thực tế áp dụng các quy định này, tác giả tập trung đi sâu nghiên cứu luận văn có đề tài: *“Pháp luật về đánh giá tác động môi trường qua thực tiễn thi hành tại Thành Phố Đà Nẵng”*.

2. Tình hình nghiên cứu

Đánh giá môi trường (ĐTM) ở nước ta đã được nghiên cứu và đề cập từ nhiều năm nay. Tuy nhiên, những nghiên cứu sâu về pháp luật về ĐTM trong hoạt động đầu tư ở nước ta thì vẫn còn hạn chế. Liên quan đến đề tài này có Luận án tiến sĩ “Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất kinh doanh đang hoạt động” của Tiến sĩ Mai Thế Toàn, Trung tâm tư vấn, đào tạo và Dịch vụ tài nguyên và môi trường làm chủ nhiệm. Luận văn thạc sĩ “Đánh giá tác động môi trường trong hoạt động đầu tư ở Việt Nam” của Lê Thanh Tùng. Bài viết “Đánh giá tác động môi trường trong giai đoạn xây dựng Cảng Cái Lân” của đồng tác giả Nguyễn Thị Trà Vinh và Đặng Phương Nga trên tạp chí Hoạt động khoa học số 11/2011. Luận án tiến sĩ “Những vấn đề pháp lý của việc đánh giá tác động môi trường của các dự án đầu tư” của Lê Sơn Hải – Viện Nghiên cứu Nhà nước và pháp luật, hoàn thiện năm 2000 là cụ thể hơn cả. Tuy vậy, xuất phát từ thực tiễn hiện nay nhiều hoạt động đầu tư đã gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, kèm theo đó là hàng loạt các văn bản của các cơ quan nhà nước điều chỉnh về các vấn đề liên quan đến ĐTM và các hoạt động đầu tư cũng được ban hành trong thời gian qua. Vì vậy, cần phải có một đề tài khoa học nghiên cứu một cách có hệ thống và đầy đủ thực trạng của pháp luật về ĐTM của các dự án đầu tư. Từ đó đưa ra những giải pháp hoàn thiện hơn nữa pháp luật về ĐTM trong quy hoạch các dự án.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và thực tiễn về pháp luật trong công tác đánh giá môi trường tại Đà Nẵng, từ đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật về đánh giá môi trường nhằm mục tiêu phát triển bền vững.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Nhiệm vụ nghiên cứu của luận văn như sau:

- Khái quát cơ sở lý luận về pháp luật trong đánh giá môi trường
- Làm rõ thực trạng hoạt động áp dụng pháp luật trong đánh giá môi trường vào thực tiễn thành phố Đà Nẵng;
- Đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật về ĐTM tại Thành Phố Đà Nẵng.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là pháp luật về đánh giá môi trường và thực tiễn thực hiện tại Thành Phố Đà Nẵng

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Không gian: Luận văn chủ yếu tập trung nghiên cứu các quy định của Luật BVMT năm 2014 và một số văn bản dưới luật về đánh giá môi trường áp dụng thực tiễn tại Đà Nẵng. Ngoài ra, tác giả cũng tham khảo nội dung các quy định pháp luật khác trong hệ thống pháp luật Việt Nam và quốc tế có liên quan đến ĐTM.

Thời gian: Số liệu nghiên cứu từ năm 2015-2017, giải pháp tới 2025

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận nghiên cứu

Luận văn dựa trên phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về pháp luật, các quan điểm của Đảng, Nhà nước về bảo vệ môi trường, về pháp luật pháp luật đánh giá môi trường.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu, tác giả sử dụng phương pháp so sánh pháp luật, hệ thống, phân tích, tổng hợp, mô hình hoá và tham khảo những báo cáo tham luận của một số tác giả về vấn đề nghiên cứu. Cụ thể như sau:

- Phương pháp phân tích được sử dụng ở tất cả các chương, mục của luận
- Phương pháp thống kê được sử dụng để tập hợp, xử lí các tài liệu, số liệu... phục vụ cho việc nghiên cứu đề tài.

- Phương pháp chứng minh được sử dụng để chứng minh các luận điểm, các nhận định về thực trạng pháp luật, thi hành pháp luật và tác động của nó.

- Phương pháp tổng hợp, qui nạp được sử dụng chủ yếu trong việc đưa ra những kết luận của từng chương và kết luận chung của luận văn.

6. Những đóng góp mới của luận văn

Luận văn là công trình khoa học ở bậc thạc sĩ đầu tiên nghiên cứu về pháp luật đánh giá môi trường tại địa bàn Thành Phố Đà Nẵng hiện nay. Đây là điểm mới quan trọng nhất của luận văn.

Các kết quả nghiên cứu của Luận văn này có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho các cơ sở đào tạo và nghiên cứu về Luật học. Một số kiến nghị của đề tài có giá trị tham khảo đối với các cơ quan xây dựng và tổ chức thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường, pháp luật về đánh giá môi trường nói riêng và pháp luật về bảo vệ môi trường nói chung.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài mục lục, danh mục các từ viết tắt, lời nói đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo luận văn được kết cấu 3 chương như sau:

Chương 1. Tổng quan đánh giá tác động môi trường và pháp luật về đánh giá tác động môi trường

Chương 2. Thực trạng pháp luật về đánh giá tác động môi trường và thực tiễn thực hiện tại Đà Nẵng

Chương 3. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về đánh giá tác động môi trường qua thực tiễn thực hiện tại Đà Nẵng

Chương 1

TỔNG QUAN ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁP LUẬT VỀ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

1.1. Tổng quan về đánh giá tác động môi trường

1.1.1. Khái niệm đánh giá tác động môi trường

Đánh giá tác động môi trường (ĐTM) là phương thức của một quá trình được sử dụng để dự đoán hệ quả về môi trường (tích cực hoặc tiêu cực) của một kế hoạch, một chính sách, một chương trình hoặc dự án trước khi ra quyết định thực hiện, đồng thời đề xuất các biện pháp để điều chỉnh tác động đến mức độ có thể được chấp nhận (mức độ do chính quyền quy định thông qua các quy chuẩn kỹ thuật) hoặc để khảo sát các giải pháp kỹ thuật mới.

1.1.2. Vai trò của việc đánh giá tác động môi trường

Quy trình đánh giá tác động môi trường có thể là cơ sở cho việc đàm phán, thương lượng giữa các chuyên gia phát triển với các tổ chức dân sự hữu quan và các nhà quản lý quy hoạch. Điều này giúp cân bằng giữa lợi ích môi trường và lợi ích phát triển.

1.2. Tổng quan về pháp luật đánh giá tác động môi trường

1.2.1. Khái niệm pháp luật đánh giá tác động môi trường

1.2.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến pháp luật và thực hiện pháp luật về đánh giá tác động của môi trường

1.2.3. Vai trò của pháp luật đánh giá tác động môi trường

Thứ nhất, pháp luật đánh giá tác động môi trường quy định các quy tắc xử sự cho con người khi tác động đến môi trường

Thứ hai, pháp luật ĐTM quy định cụ thể về thiết chế thực thi việc ĐTM bằng pháp luật.

Thứ ba, pháp luật đánh giá tác động môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường liên quan đến thực hiện ĐTM.

Kết luận chương 1

Đánh giá tác động môi trường ĐTM là việc phân tích, dự báo các tác động của dự án đầu tư đến môi trường để đưa ra biện pháp bảo vệ môi trường khi triển khai dự án đó. Việc lập đánh giá tác động môi trường ĐTM là cơ sở để doanh nghiệp biết rõ hơn về hiện trạng chất lượng môi trường của mình từ đó có thể đề ra các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm hiệu quả nhằm đạt các Tiêu chuẩn môi trường theo quy định. Hơn nữa kết quả giám sát chất lượng môi trường sẽ là cơ sở để cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường đánh giá về công tác bảo vệ môi trường.

Mục đích của việc lập đánh giá tác động môi trường ĐTM để biết được tầm ảnh hưởng của dự án đến môi trường xung quanh so với mức tiêu chuẩn quy định, từ đó thẩm định xem có cấp quyết định phê duyệt dự án hay không. Ràng buộc trách nhiệm của doanh nghiệp, tạo sự chủ động trong vấn đề bảo vệ môi trường nơi hoạt động của dự án. Hợp thức hóa quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Phát triển KT-XH đi đôi với bảo vệ môi trường.

Việc thực hiện các quy định của pháp luật về đánh giá tác động của môi trường trong thời gian qua đã thu được những thành quả đáng kể trong việc bảo vệ môi trường, nhưng bên cạnh đó vẫn còn nhiều bất cập trong quá trình thực hiện, đòi hỏi nhà nước cần phải có những quy định mang tính khoa học và khả thi nhằm giúp cho việc thực hiện được triệt để và hiệu quả hơn.

Chương 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN TẠI ĐÀ NẴNG

2.1. Khái quát về kinh tế - xã hội Thành Phố Đà Nẵng

Thực hiện hiệu quả Chương trình phát triển sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thành phố Đà Nẵng đến năm 2020; Có biện pháp đẩy nhanh tiến độ xây dựng các công trình, dự án sản xuất lớn góp phần tạo đà tăng trưởng cho năm 2017 và các năm sau.

Tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ ngư dân của thành phố và Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển thủy sản. Triển khai Dự án Nâng cấp Cảng cá Thọ Quang thành cảng cá loại 1 và xây dựng Trung tâm nghề cá lớn tại Đà Nẵng nhằm đáp ứng tốt nhu cầu dịch vụ hậu cần cho nghề cá theo hướng hiện đại.

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất, nhân rộng các mô hình sản xuất theo hướng hữu cơ, tiêu chuẩn VietGAP và phát triển theo hướng nông nghiệp đô thị.

Tập trung quản lý bảo vệ rừng, củng cố, sắp xếp lại lực lượng kiểm lâm, ban quản.

Tăng cường thu hút đầu tư trong và ngoài nước; công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế, thực hiện Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ thực hiện các giải pháp chủ yếu tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia 2016-2017 trên địa bàn thành phố và Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020.

Thực hiện có hiệu quả Quy hoạch chung thành phố đến 2030, tầm nhìn đến 2050 và Chương trình hành động số 18-CTr/TU của Thành ủy Đà Nẵng về “Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020”.

Ưu tiên tập trung nguồn lực và đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình, nhóm công trình trọng điểm để hoàn thành, đưa vào sử dụng, kịp phục vụ trong năm 2017 như: các công trình phục vụ Tuần lễ cấp cao APEC 2017, Dự án Phát triển bền vững thành phố Đà Nẵng (đường vành đai phía Nam, tuyến đường Hòa Phước - Hòa Khương, đường Nguyễn Tất Thành nối dài), đường vành đai phía Tây, cầu và đường qua sông Cổ Cò, Trụ sở bố trí cho các Cơ sở y tế trong lĩnh vực dự phòng, Đầu tư xây dựng Khu đa chức năng và trang thiết bị Bệnh viện Phục hồi

chức năng thành phố Đà Nẵng, Nâng cấp cơ sở và trang thiết bị Trung tâm Y tế dự phòng thành phố Đà Nẵng, Trung tâm huấn luyện đào tạo vận động viên tại Khu Liên hợp thể dục thể thao Hòa Xuân (giai đoạn 1), Trung tâm Tim mạch Bệnh viện Đa khoa Đà Nẵng, Bảo tàng Điều khắc Chăm; khẩn trương hoàn thiện thủ tục chuẩn bị đầu tư để khởi công Hàm qua sông Hàn.

Chủ động phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương, các địa phương trong vùng đẩy nhanh tiến độ và triển khai các công trình, dự án được xác định tại Nghị quyết số 33-NQ/TW, Kết luận số 75-KL/TW của Bộ Chính trị và các quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Duy trì thực hiện Đề án “Xây dựng Đà Nẵng - Thành phố môi trường”, Chương trình hành động về ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng, Đề án thu gom rác thải theo giờ và Phong trào “Ngày Chủ nhật xanh - sạch - đẹp”.

2.2. Thực trạng pháp luật về đánh giá tác động môi trường

2.2.1. Các quy định chung về đánh giá môi trường

- Việc tham vấn ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện dự án và các tổ chức chịu tác động trực tiếp bởi dự án thực hiện theo quy trình sau đây:

a) Chủ dự án gửi báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện dự án và các tổ chức chịu tác động trực tiếp bởi dự án kèm theo văn bản đề nghị cho ý kiến;

b) Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện dự án và các tổ chức chịu tác động trực tiếp bởi dự án có văn bản phản hồi trong thời hạn tối đa mười lăm ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của chủ dự án, hoặc không cần có văn bản phản hồi trong trường hợp chấp thuận việc thực hiện dự án.

Để hướng dẫn quy định về tham vấn ý kiến cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược.

Kết quả thực hiện đánh giá tác động môi trường thể hiện dưới hình thức báo cáo đánh giá tác động môi trường (khoản 3 Điều 19, Điều 22 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014).

Việc chi phí lập, thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc nguồn vốn đầu tư dự án do chủ dự án chịu trách nhiệm (khoản 4 Điều 19 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014).

2.2.2. Các quy định về báo cáo đánh giá tác động của môi trường

Lập và trình phê duyệt Báo cáo ĐTM là nghĩa vụ quan trọng nhất của chủ đầu tư. Bởi vì ĐTM là một trong những công cụ quan trọng giúp

BVMT được tốt hơn. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải kiểm duyệt các biện pháp BVMT trong báo cáo ĐTM trước khi dự án được phê duyệt. Cụ thể như sau:

- *Chủ thể lập báo cáo:*

Chủ dự án có thể tự mình lập hoặc thuê tổ chức dịch vụ tư vấn lập báo cáo ĐTM cho dự án đầu tư của mình. Việc lập báo cáo ĐTM là một nghĩa vụ của chủ dự án chứ không phải là một lĩnh vực kinh doanh của chủ dự án và do đó không thể quy định về “điều kiện kinh doanh” cho chủ dự án như là Tổ chức dịch vụ lập báo cáo ĐTM – là một chủ thể kinh doanh lĩnh vực này.

- *Hình thức báo cáo:* Văn bản của chủ dự án đề nghị thẩm định báo cáo ĐTM và bản báo cáo ĐTM của dự án không những phải tuân thủ các quy định của pháp luật về mặt nội dung mà còn phải tuân thủ về mặt hình thức.

- *Nội dung báo cáo:* Việc xây dựng nội dung báo cáo ĐTM là khâu then chốt, cơ bản của quá trình lập báo cáo ĐTM. Nội dung chính của báo cáo ĐTM bao gồm:

+ Chỉ dẫn về xuất xứ của dự án, chủ dự án, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án; nguồn thông tin, dữ liệu và phương pháp sử dụng; việc tổ chức và tiến hành lập báo cáo ĐTM; việc tham vấn cộng đồng trong quá trình lập báo cáo ĐTM;

+ Liệt kê, mô tả chi tiết các hoạt động, hạng mục công trình của dự án có nguy cơ gây tác động xấu đến môi trường kèm theo quy mô về không gian, thời gian, khối lượng thi công, công nghệ vận hành của từng hạng mục công trình và của cả dự án;

+ Đánh giá chung về hiện trạng môi trường nơi thực hiện dự án và vùng kế cận; mức độ nhạy cảm của môi trường;

+ Đánh giá, dự báo tác động của dự án đến các điều kiện tự nhiên, thành phần môi trường tự nhiên, cộng đồng và các yếu tố kinh tế - xã hội có liên quan; kết quả tham vấn cộng đồng.

+ Đề xuất các biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến các điều kiện tự nhiên, thành phần môi trường tự nhiên, sức khỏe cộng đồng và các yếu tố kinh tế - xã hội có liên quan.

+ Danh mục công trình, chương trình quản lý và giám sát các vấn đề môi trường trong quá trình triển khai thực hiện dự án;

+ Dự toán kinh phí xây dựng các hạng mục công trình bảo vệ môi trường trong tổng dự toán kinh phí của dự án;

+ Cam kết của chủ dự án về việc thực hiện các biện pháp BVMT trong quá trình xây dựng và vận hành dự án đã đề xuất trong báo cáo ĐTM.

2.2.3. Các quy định về thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động của môi trường

*** Hồ sơ cần thiết:**

Hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo ĐTM bao gồm: văn bản của chủ dự án đề nghị thẩm định báo cáo ĐTM thực hiện theo mẫu quy định; bản báo cáo ĐTM của dự án.

Đối với các dự án cải tạo, mở rộng, nâng cấp, nâng công suất của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đang hoạt động đã được phê duyệt báo cáo ĐTM hoặc đăng ký, xác nhận bản cam kết BVMT hoặc xác nhận bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường hoặc phê duyệt, ngoài các văn bản nêu trên còn phải kèm theo một bản sao quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM hoặc giấy xác nhận bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường, quyết định phê duyệt hoặc giấy xác nhận đề án BVMT hoặc văn bản chứng minh bản cam kết BVMT đã được đăng ký của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đang vận hành.

*** Thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường**

*** Thẩm quyền tổ chức thẩm định**

*** Hình thức thẩm định**

*** Quy trình thẩm định, phê duyệt báo cáo ĐTM:**

*** Sự tham gia của cộng đồng trong quá trình thẩm định báo cáo ĐTM**

*** Kiểm tra, giám sát sau thẩm định**

Hiệu một cách rộng hơn, hoạt động sau thẩm định báo cáo ĐTM còn là hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát của các cơ quan chức năng đối với hoạt động của các dự án, cơ sở. Và vì thế, các văn bản phê duyệt báo cáo ĐTM là những cơ sở pháp lý quan trọng phục vụ cho công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát của các cơ quan, tổ chức có liên quan.

2.2.4. Các quy định về xử lý vi phạm pháp luật về đánh giá tác động môi trường

Phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 15 triệu đồng đối với hành vi lập không đúng, không đầy đủ một trong các nội dung Kế hoạch quản lý môi trường của dự án theo quy định;

Phạt tiền từ 15 triệu đồng đến 20 triệu đồng đối với hành vi không lập Kế hoạch quản lý môi trường và báo cáo cơ quan có thẩm quyền, cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định;

Phạt tiền từ 20 triệu đồng đến 30 triệu đồng đối với hành vi không thông báo bằng văn bản đến các tổ chức nơi tiến hành tham vấn hoặc cơ quan đã phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường về kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải phục vụ giai đoạn vận

hành (từng giai đoạn hoặc toàn bộ dự án) trước khi tiến hành vận hành thử nghiệm ít nhất 10 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức, cơ quan có thẩm quyền nhận được văn bản thông báo;

Phạt tiền từ 30 triệu đồng đến 40 triệu đồng đối với hành vi không báo cáo kịp thời cho cơ quan đã phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh để hướng dẫn giải quyết ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định;

Phạt tiền từ 40 triệu đồng đến 50 triệu đồng đối với các hành vi thực hiện không đúng một trong các nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và các yêu cầu trong quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành (từng giai đoạn hoặc toàn bộ dự án) theo quy định, trừ trường hợp: Giám sát môi trường; làm cho môi trường tốt hơn đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận và trường hợp quy định tại điểm b và điểm i khoản này;

Phạt tiền từ 50 triệu đồng đến 60 triệu đồng đối với hành vi không thực hiện một trong các nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường và yêu cầu trong quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành (từng giai đoạn hoặc toàn bộ dự án) theo quy định, trừ trường hợp giám sát môi trường và trường hợp quy định tại các điểm a, c, d, đ, m và n khoản này;

Phạt tiền từ 60 triệu đồng đến 80 triệu đồng đối với hành vi không hợp tác với cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch quản lý môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường;

Phạt tiền từ 80 triệu đồng đến 100 triệu đồng đối với hành vi xây lắp, lắp đặt thiết bị, đường ống hoặc các đường thải khác để xả chất thải không qua xử lý ra môi trường; không vận hành thường xuyên hoặc vận hành không đúng quy trình đối với công trình bảo vệ môi trường; không vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đồng thời với quá trình vận hành thử nghiệm dự án; không lập, phê duyệt và thực hiện kế hoạch thu dọn vệ sinh lòng hồ trước khi tích nước hoặc thực hiện việc tích nước khi chưa được cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường kiểm tra, chấp thuận trong trường hợp dự án có nội dung đầu tư xây dựng hồ chứa thủy lợi hoặc hồ chứa thủy điện;

Phạt tiền từ 100 triệu đồng đến 120 triệu đồng đối với hành vi không dừng ngay hoạt động vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất

thải và báo cáo kịp thời tới cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để hướng dẫn giải quyết trong trường hợp gây ra ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường; không tổ chức khắc phục ô nhiễm môi trường và bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật; vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải quá 06 tháng nhưng chưa được sự chấp thuận của cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường;

Phạt tiền từ 120 triệu đồng đến 140 triệu đồng đối với hành vi không lập hồ sơ báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành (từng giai đoạn hoặc toàn bộ dự án) và gửi cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định;

Phạt tiền từ 140 triệu đồng đến 160 triệu đồng đối với hành vi không xây lắp công trình bảo vệ môi trường theo quy định, trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản 3 Điều 12 và điểm k khoản 4 Điều 12 Nghị định này;

Phạt tiền từ 160 triệu đồng đến 180 triệu đồng đối với hành vi không có Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành (từng giai đoạn hoặc toàn bộ dự án) theo quy định;

Phạt tiền từ 180 triệu đồng đến 200 triệu đồng đối với hành vi không lập lại báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án theo quy định.

2.3. Thực tiễn thực hiện pháp luật về đánh giá tác động môi trường tại Thành phố Đà Nẵng

2.3.1. Những thành tựu đạt được

Thứ nhất, áp dụng pháp luật về đánh giá tác động môi trường trong đầu tư cơ sở hạ tầng lớn tại Đà Nẵng luôn chấp hành các quy định về đánh giá tác động môi trường theo quy định chính sách quản lý nhà nước khi triển khai các dự án đầu tư.

Thứ hai, áp dụng pháp luật về đánh giá tác động môi trường trong đầu tư cơ sở hạ tầng lớn tại Đà Nẵng luôn chấp hành các tiêu chuẩn về quá trình triển khai thi công Dự án, Chủ dự án cùng các đơn vị thi công cam kết thực hiện các tiêu chuẩn môi trường hiện đang có hiệu lực.

Thứ ba, áp dụng các biện pháp phòng, ngừa, giảm thiểu các tác động xấu khi thực hiện Dự án có liên quan đến môi trường tại Đà Nẵng.

Thứ tư, thực hiện nghiêm túc biện pháp giảm thiểu tác động do chặt hạ cây cối, nạo vét bùn, đất thải, san ủi mặt bằng, giảm thiểu tác động tới môi trường không khí

Thứ năm, hầu hết các dự án đầu tư thông qua công tác thẩm định

ĐTM số lượng người tham gia vào quá trình lập, thẩm định ĐTM đã tăng lên nhanh chóng.

Thứ sáu, công tác kiểm tra, xác nhận việc thực hiện các yêu cầu về BVMT của các dự án sau khi được phê duyệt ĐTM cũng đã được đẩy mạnh một bước.

Thứ bảy, công tác ĐTM áp dụng tại Đà Nẵng khi triển khai các dự án đều thực hiện cơ bản theo quy định của pháp luật và có áp dụng các phương pháp thực hiện triển khai khoa học, khách quan, đúng pháp luật

Thứ tám, tổ chức bộ máy quản lý và phối hợp quản lý thực hiện các quy định về ĐTM được kiện toàn và đi vào hoạt động ổn định khi thực hiện nhiệm vụ quản lý trực tiếp.

Thứ chín, công tác thẩm định báo cáo ĐTM đã được triển khai một cách mạnh mẽ. Theo thống kê sơ bộ, từ năm 2005 đến nay đã có hơn 19 dự án đầu tư đã thực hiện ĐTM, trong đó Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam phối hợp với Bộ TN & MT thẩm định phê duyệt đối với 30 báo cáo ĐTM. đã bước đầu gắn kết được quá trình xây dựng kế hoạch phát triển, quy hoạch phát triển các xây dựng hạ tầng kỹ thuật đô thị với công tác BVMT thông qua hoạt động thẩm định ĐTM, góp phần tích cực, chủ động phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm môi trường.

2.3.2. Một số hạn chế, yếu kém trong công tác ĐTM tại Đà Nẵng

Bên cạnh những thành tích đạt được như đã trình bày ở trên thì hoạt động ĐTM vẫn bộc lộ nhiều bất cập và yếu kém, điều này được thể hiện ở những điểm sau:

Thứ nhất, dù đã tiến được một bước dài trong việc xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác ĐTM nhưng cán bộ trong các cơ quan thẩm định và lực lượng chuyên gia trong lĩnh vực ĐTM còn hạn chế về số lượng và chất lượng.

Thứ hai, tuy đã có những cải cách nhất định nhưng công tác ĐTM vẫn bị chi phối bởi những “mệnh lệnh hành chính ngầm”.

Thứ ba, quan điểm và phương pháp luận về “Đánh đổi giữa môi trường và phát triển” chưa được vận dụng sâu sắc trong quá trình thẩm định và phê duyệt báo cáo ĐTM.

Thứ tư, quyết định phê duyệt của cơ quan chức năng thiếu tính thống nhất giữa các dự án trong quy hoạch tổng thể.

Thứ năm, chất lượng báo cáo ĐTM tuy đã từng bước được cải thiện, nhưng nhiều báo cáo ĐTM được thẩm định, phê duyệt có chất lượng không cao, nặng về hình thức.

Thứ sáu, năng lực giám sát sau phê duyệt còn yếu kém. Công tác kiểm tra, xác nhận việc thực hiện các nội dung BVMT trước khi dự án đi

vào hoạt động chính thức tuy đã được đẩy mạnh, nhưng chưa làm được nhiều, một mặt do cơ quan quản lý nhà nước chưa có đủ điều kiện về nguồn nhân lực và các trang thiết bị máy móc cần thiết, mặt khác quy định này mới được đặt ra trong Luật BVMT

Thứ bảy, chưa có biện pháp hỗ trợ cộng đồng trong việc giám sát trong các thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt và đảm bảo thực thi báo cáo ĐTM.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Việc ban hành các văn bản pháp luật đánh giá tác động môi trường tạo ra cơ sở pháp lý để các cơ quan này thực hiện các chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của mình, đảm bảo hoàn thành tốt công tác quản lý Nhà nước đối với môi trường. Pháp luật đánh giá tác động môi trường cũng phân chia nhiệm vụ giữa các cơ quan, tránh việc quản lý chồng chéo, đồng thời tạo ra sự phối hợp nhịp nhàng, đồng bộ giữa các cơ quan, nâng cao hiệu quả của quản lý Nhà nước về môi trường.

Tại Đà Nẵng, pháp luật về đánh giá tác động môi trường đã được triển khai một cách đồng bộ, đem lại những hiệu quả nhất định cho công tác bảo vệ môi trường tại địa phương.

Chương 3

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG QUA THỰC TIỄN THI HÀNH TẠI TẠI ĐÀ NẴNG

3.1. Các giải pháp hoàn thiện pháp luật về đánh giá tác động môi trường

3.1.1. Giải pháp hoàn thiện các quy định chung về đánh giá tác động môi trường

Thứ nhất, tiếp tục làm rõ các quy định nghiên cứu hoàn thiện các quy định đảm bảo chất lượng của báo cáo ĐTM được lập, trong đó có việc đưa ra các tiêu chí đánh giá chất lượng của báo cáo ĐTM. Việc đưa ra các tiêu chí cụ thể về mặt nội dung đối với báo cáo ĐTM vừa đảm bảo tính minh bạch của các quy định về lập và thẩm định báo cáo ĐTM, vừa làm cơ sở cho các tổ chức, cá nhân lập báo cáo ĐTM, vừa là căn cứ cho việc thẩm định báo cáo.

Thứ hai, quy định cơ chế để đảm bảo thực thi các nội dung của báo cáo ĐMC trên thực tế. Nội dung của báo cáo ĐMC phải được coi là một phần của các quy hoạch, chiến lược đã được phê duyệt và các báo cáo ĐTM thuộc các dự án nằm trong phạm vi của các quy hoạch, chiến lược phải đảm bảo sự phù hợp với các báo cáo ĐMC đã được lập cho các quy hoạch, chiến lược đó.

Thứ ba, quy định điều kiện chuyên môn, cơ sở vật chất, trang thiết bị đối với các tổ chức cung ứng dịch vụ lập báo cáo ĐTM nhằm đảm bảo năng lực cung cấp dịch vụ của các tổ chức này, góp phần chuyên môn hoá công tác lập báo cáo ĐTM và đảm bảo chất lượng của công tác ĐTM trên thực tế.

Thứ tư, quy định cơ chế đảm bảo sự tham gia của cộng đồng địa phương vào quá trình lập, thẩm định và giám sát thực hiện các báo cáo ĐTM và ĐMC thông qua việc nâng cao năng lực của cộng đồng về các vấn đề môi trường và yêu cầu đối với báo cáo ĐTM và ĐMC.

Thứ năm, quy định cơ chế sàng lọc và quyết định đầu tư dự án trên cơ sở thẩm nhuần quan điểm phát triển bền vững - phát triển kinh tế gắn kết với bảo vệ tài nguyên, môi trường và an sinh xã hội từ chủ đầu tư cho đến các cấp có thẩm quyền.

3.1.2. Giải pháp hoàn thiện các quy định về lập và thẩm định báo cáo Đánh giá tác động môi trường

Thứ nhất, hiện nay các văn bản dưới Luật như Nghị định 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 và Thông tư 27/2015/TT-BTNMT

ngày 29/5/2015 điều quy định về việc lập ĐTM mới trong trường hợp có thay đổi về quy mô, nội dung dự án.

Thứ hai, nên bổ sung và luật hoá thẩm quyền tổ chức thẩm định và phê duyệt ĐTM của Ban quản lý KCN đối với các dự án đầu tư vào KCN. Đối với các dự án thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh, tác giả đề nghị nên giao cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường trực thuộc làm cơ quan thường trực hội đồng thẩm định, quyết định thành lập Hội đồng thẩm định báo cáo ĐTM, tổ chức thẩm định và trình UBND cấp tỉnh phê duyệt báo cáo ĐTM và giao cho các cơ quan này tổ chức kiểm tra việc thực hiện ĐTM.

Thứ ba, cần quy định rõ trách nhiệm của Hội đồng thẩm định ĐTM khi các dự án đã được phê duyệt, việc quy định trách nhiệm nên xây dựng thành hai nhóm, đó là nhóm trách nhiệm tập thể và nhóm trách nhiệm cá nhân. Nhóm trách nhiệm tập thể được xác định cho chủ thể có thẩm quyền thành lập hội đồng thẩm định để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan này, nhóm trách nhiệm nay mang yếu tố chính trị.

Thứ tư, quy định về việc lấy ý kiến nhân dân, cộng đồng dân cư nơi có dự án về Báo cáo ĐTM đối với dự án đầu tư xây dựng hạ tầng KCN nên quy định theo hướng đảm bảo sự tham gia thực chất và có hiệu quả của người dân vào quá trình này; quy định về công khai hóa các quyết định phê duyệt Báo cáo ĐTM, đảm bảo sự tham gia của người dân vào quá trình giám sát thực hiện ĐTM. Đối với các ĐTM, KBM của các dự án trong KCN thì không nên quy định lấy “ý kiến nhân dân, cộng đồng dân cư”; quy định cụ thể thế nào là “chịu tác động trực tiếp bởi dự án”, phải tiến hành tham vấn ở bước nào của quá trình thực hiện và giao cho cơ quan nào quy định chi tiết nội dung này.

Thứ năm, ban hành quy định nhằm nâng cao chất lượng tham mưu, thẩm định báo cáo ĐTM

Ban hành quy định nâng cao chất lượng tham mưu, thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, phương án cải tạo phục hồi môi trường với các dự án đầu tư trên địa bàn. Tập trung nâng cao chất lượng, khắc phục hạn chế trong công tác lập, thẩm định, triển khai thực hiện Báo cáo ĐTM.

Để nâng cao chất lượng thẩm định của các thành viên hội đồng, cơ quan thường trực hội đồng ban hành văn bản xin người tham gia hội đồng kèm chuyên hồ sơ thẩm định và văn bản liên quan gửi cơ quan cần xin người. Cung cấp cho thành viên hội đồng các văn bản quy phạm pháp luật mới, quy chuẩn mới. Bố trí để ủy viên phản biện khảo sát thực địa khi có yêu cầu...

Thứ sáu, quy định cụ thể trách nhiệm môi trường của các chủ thể tham gia vào việc lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo ĐTM đảm bảo trong trường hợp các dự án được phê duyệt làm tổn hại đến môi trường xuất phát từ chất lượng của báo cáo ĐTM thì sẽ có chủ thể phải chịu trách nhiệm về hậu quả này. Cụ thể là trong trường hợp báo cáo ĐTM được lập với chất lượng không cao, không đánh giá đầy đủ các tác động môi trường cũng như thiếu những giải pháp tiếp tục làm rõ các quy định thiết để đảm bảo hạn chế tác động tiêu cực của dự án đến môi trường mà vẫn được phê duyệt thì sẽ xác định trách nhiệm của người phê duyệt, người thẩm định và chủ dự án như thế nào, trong trường hợp dự án đó được triển khai và gây thiệt hại cho môi trường, cho cộng đồng dân cư thì trách nhiệm thuộc về ai là những vấn đề tiếp tục làm rõ các quy định được làm rõ.

3.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về đánh giá tác động môi trường

Quá trình tăng trưởng, phát triển kinh tế hiện nay đang đặt ra yêu cầu cấp thiết về BVMT đối với cả hệ thống chính trị, các cấp, các ngành, các tổ chức, doanh nghiệp và của mọi công dân. Nhận thức rõ tầm quan trọng của vấn đề này, những năm qua, thực thi công tác đánh giá tác động môi trường đã được thực hiện tốt hơn trước theo nhiều chủ trương, chính sách về BVMT, đánh dấu bằng việc Quốc hội thông qua Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 với nhiều điểm mới, thay thế Luật Bảo vệ môi trường năm 2005. Cùng với đó, các Nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ về BVMT đã được ban hành. Các văn bản pháp quy này đã bước đầu tạo ra một số chuyển biến tích cực trong hoạt động BVMT, song vẫn còn nhiều mặt chưa đáp ứng được đòi hỏi của thực tiễn.

Sức ép từ quá trình phát triển thực thi công tác đánh giá tác động môi trường đã và đang tiếp tục làm gia tăng nhiều áp lực đối với môi trường, gây ra không ít vấn đề môi trường, làm gia tăng các xung đột liên quan đến môi trường trong xã hội. Vấn đề này đặt ra thách thức không nhỏ cho các nhà hoạch định và thực thi các chính sách quản lý tài nguyên và BVMT, các doanh nghiệp cũng như người dân trong giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và BVMT nhằm hướng tới phát triển bền vững. Để giải quyết được các vấn đề nêu trên, tác giả có một số kiến nghị sau:

Thứ nhất, tập trung giải quyết các vấn đề bức xúc nhằm ngăn chặn việc gia tăng ô nhiễm môi trường, đảm bảo an ninh môi trường.

Thứ hai, nghiên cứu, bổ sung, hoàn thiện hệ thống quản trị ĐTM về

BVMT bảo đảm thống nhất, đồng bộ, đáp ứng yêu cầu BVMT. Đồng thời, rà soát chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các Bộ phận liên quan đến công tác ĐTM BVMT, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, xuyên suốt

Thứ ba, tăng cường tuyên truyền, phổ biến, quán triệt và triển khai các nội dung của Luật vào thực tiễn địa phương, đặc biệt là những nội dung mới. Kiện toàn tổ chức và tăng cường năng lực cho các cán bộ, nhân sự chuyên môn về ĐTM BVMT tại địa phương; chú trọng việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, tuyển chọn cán bộ có chuyên môn phù hợp với yêu cầu của công tác quản lý môi trường.

Thứ tư, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về môi trường; rà soát, khoanh vùng các đối tượng có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, rủi ro xảy ra sự cố môi trường và có các biện pháp kiểm soát chặt chẽ hoạt động của hàng không sự cố môi trường bằng các biện pháp kỹ thuật – công nghệ phù hợp; xử lý dứt điểm các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; xây dựng năng lực ứng phó với sự cố môi trường, các vụ việc gây ô nhiễm môi trường.

Thứ năm, tăng tỷ lệ chi ngân sách cho hoạt động sự nghiệp ĐTM của của bảo đảm yêu cầu trong giai đoạn mới, đặc biệt là có cơ chế phù hợp và tăng chi ngân sách cho các hoạt động quản lý nhà nước về BVMT, trong đó có công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát; bảo đảm bố trí đủ nguồn vốn thực hiện Chương trình quốc gia khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường giai đoạn 2016-2020.

Thứ sáu, đổi mới, hoàn thiện các công cụ hỗ trợ quá trình phân tích, ra quyết định, quản lý, điều hành các vấn đề môi trường, các công cụ kỹ thuật hỗ trợ đánh giá tác động môi trường và đánh giá môi trường chiến lược, quy hoạch BVMT các cấp. Chấn chỉnh cơ chế lập, thẩm định, đánh giá các báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, các báo cáo đánh giá tác động môi trường. Kế thừa và phát triển các thành quả khoa học, công nghệ của thế giới về vấn đề môi trường, các công cụ hỗ trợ quá trình đánh giá và dự báo các tác động tiềm tàng của các hoạt động kinh tế đối với môi trường, để từ đó có những khuyến nghị và hành động phù hợp.

Thứ bảy, xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình giám sát chuyên đề về BVMT đối với các dự án đầu tư, công trình lớn có nguy cơ tiềm ẩn gây ô nhiễm môi trường cao do Quốc hội và Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư; đồng thời, chỉ đạo thực hiện Chương trình giám sát chuyên đề về BVMT đối với các dự án đầu tư, công trình có nguy cơ tiềm ẩn gây ô nhiễm môi trường cao thuộc thẩm quyền quản lý của cảng.

Thứ tám, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục về môi trường trong toàn CBCNV, tăng cường vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội trong phản biện, giám sát, tham gia quản lý nhà nước về BVMT và nâng cao vai trò của cộng đồng trong việc thực hiện đánh giá tác động môi trường. Vai trò của cộng đồng trong quá trình đánh giá tác động môi trường, từ khâu lập báo cáo, kiểm tra, giám sát sau khi dự án đi vào hoạt động đã và đang đi vào thực chất, góp phần đảm bảo quyền lợi người dân, gắn nghĩa vụ thực hiện các cam kết bảo vệ môi trường của chủ đầu tư với việc giám sát của cộng đồng. Ngày nay, bảo vệ môi trường ngày càng được các cá nhân, cơ quan, tổ chức mà đặc biệt là Nhà nước quan tâm. Các quyền về tiếp cận thông tin, cung cấp thông tin, tham gia giám sát thực thi chính sách – pháp luật và phản biện về bảo vệ môi trường đã được quy định tương đối rõ ràng. Cộng đồng có tiếng nói quan trọng đầy lùi tiêu cực môi trường từ các dự án sản xuất. Thực tiễn cho thấy, sự tham gia kịp thời và hiệu quả của cộng đồng và các bên liên quan sẽ mang lại lợi ích cho chính nhà đầu tư trong quá trình thực hiện ĐTM cũng như khi triển khai dự án. Các chuyên gia môi trường cho rằng, tham vấn công khai giúp nhà đầu tư thu thập thêm và kiểm tra chéo thông tin phục vụ quá trình ĐTM; tận dụng được trí tuệ và kinh nghiệm của các chuyên gia khác trong các lĩnh vực liên quan để hoàn thiện ĐTM, tận dụng được kiến thức bản địa để xây dựng các biện pháp giảm thiểu các tác động của dự án; củng cố sự tin tưởng của cộng đồng, chính quyền và các bên liên quan khác đối với chủ đầu tư; hạn chế được các xung đột khi triển khai dự án.

Luật BVMT 2014 đã có những bước tiến bộ nhất định khi mở rộng đối tượng tham vấn không chỉ bao gồm cộng đồng mà còn các cơ quan, tổ chức chịu tác động trực tiếp bởi dự án. Bên cạnh đó, vai trò của cộng đồng và Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị xã hội, xã hội nghề nghiệp trong phản biện và giám sát các vấn đề môi trường của dự án cũng được tăng cường (Chương XV). Để cụ thể hóa những nguyên tắc và quy định chung trong Luật BVMT 2014 về sự tham gia của cộng đồng và các tổ chức xã hội, Nghị định 18/2015/NĐ-CP⁴ hướng dẫn về tham vấn trong quá trình lập ĐTM và Nghị định 19/2015/NĐ-CP⁵ hướng dẫn sự tham gia, giám sát trong công tác BVMT đã được ban hành. Nghị định 18 đã khắc phục những hạn chế của cơ chế “đại diện” trước đây, do vậy, người dân được tham vấn trực tiếp thông qua họp cộng đồng dân cư do chủ đầu tư và UBND xã đồng chủ trì.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Với thời gian xuất hiện ở Việt Nam không phải là ngắn, các quy định về ĐTM đã từng bước được bổ sung cụ thể và hoàn thiện hơn. Điều này đã thể hiện những cố gắng và nỗ lực của Chính phủ và Đà Nẵng trong việc thực hiện ĐTM và coi ĐTM là một trong những công cụ hữu hiệu để BVMT. Từ công tác hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về ĐTM đến việc phát triển đội ngũ và năng lực thực hiện ĐTM đã có những bước tiến vượt bậc và đạt được những thành tựu không thể phủ nhận được. Tuy nhiên, việc thực hiện pháp luật về ĐTM trong thời gian vừa qua còn rất đáng lo ngại. Tình trạng vi phạm pháp luật về ĐTM diễn ra khá phổ biến dưới nhiều hình thức và quy mô khác nhau. Sở dĩ có tình trạng này cũng một phần xuất phát từ nguyên nhân trong nội tại các quy định của pháp luật hiện hành về ĐTM vẫn còn nhiều lỗ hổng và bất cập, chưa ràng buộc được trách nhiệm pháp lý và yêu cầu tuân thủ chặt chẽ của chủ đầu tư, chính quyền địa phương, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành, cá nhân và tổ chức tư vấn lập, thẩm định ĐTM.

- Để khắc phục được hạn chế này trong phạm vi Chương 3, tác giả cũng đã đưa ra một số kiến nghị. Tuy nhiên, với chừng đó kiến nghị là không đủ để hoàn thiện cả hệ thống pháp luật về ĐTM mà chỉ phần nào gợi mở cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền nghiên cứu và rà soát nhằm hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật về ĐTM ở Việt Nam và thực tiễn tại Đà Nẵng.

KẾT LUẬN

Hiện chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa chủ dự án và tư vấn trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường, nhiều trường hợp chủ dự án đã giao khoán, phó mặc cho tư vấn môi trường thực hiện đánh giá tác động môi trường, trong khi trách nhiệm pháp lý đối với nội dung báo cáo đánh giá môi trường là thuộc chủ dự án.

Do không có sự phối hợp chặt chẽ này mà nội dung tư vấn môi trường đưa ra trong báo cáo đánh giá tác động đôi khi không thống nhất, thậm chí không phù hợp với nội dung của dự án; các biện pháp giảm thiểu tác động đưa ra trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã không thực hiện do chủ dự án không biết. Bên cạnh đó, thành phần hội đồng thẩm định chưa đáp ứng được yêu cầu theo quy định, nên dẫn đến chất lượng của công tác thẩm định còn hạn chế.

Để khắc phục những tồn tại, yếu kém và nâng cao hơn nữa những tồn tại, yếu kém và nâng cao hơn nữa hiệu quả của công tác đánh giá tác động môi trường thì cần phải rà soát, đánh giá kết quả thực hiện việc tác động, tăng cường công tác đào tạo, truyền thông, nâng cao nhận thức về đánh giá tác động môi trường cho các cơ quan hoạch định chính sách, doanh nghiệp và cộng đồng.

Cần phải tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác đánh giá tác động để kịp thời chấn chỉnh sai phạm, khắc phục những tồn tại, hạn chế trong các công tác này. Đẩy mạnh việc xây dựng và ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn về môi trường, xây dựng và duy trì vận hành hệ thống thông tin, dữ liệu về công tác thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, và sau thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường để có thể theo dõi, quản lý một cách hệ thống công tác này.